

Bản án số: 05/2026/HS-ST.
Ngày 05/02/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa.

Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với:

Bị cáo Lê Thị Cẩm Ân, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1969, nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu N, sinh năm 1932 (chết) và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1932; chồng tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (chết; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2005; anh, chị, em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1954, nhỏ nhất sinh năm 1971. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu, bị cáo có 01 án tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2008/HS-ST ngày 18/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Chứa mại dâm (đã xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn N1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V. Địa chỉ: Số B, Quốc lộ E, ấp N, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Trần Thị T2, sinh năm 1970. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Trương Thị N2, sinh năm 1961. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1969. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Lương Thị N3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Trần Phương H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N4, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thế H2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Võ Văn T4, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:

- Một điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Mastel, loại bàn phím, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359074036592766; số IMEI2: 359074036742767, điện thoại có gắn thẻ sim số 0987181336;

- Một điện thoại di động, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, có ốp lưng nhựa trong suốt, nhãn hiệu: Realme, số IMEI1: 861866063329793/01; số IMEI2: 861866063329785/01, điện thoại có gắn thẻ sim số 0385363909;

- Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi hung 2CHI; Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi hung 20 24K;

- Một xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-356.40, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, màu sơn Đỏ Đen, số máy JA53E0107813, số khung RLHJA3877RY029417;

- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 14/5/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;

- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 10/4/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;

- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 20/5/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;

- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 08/3/2025, Tên khách hàng: mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276.

- Một túi ni lông màu đen, loại có quai, kích thước 40x40cm, đã qua sử dụng;

- Một túi vải màu xanh, kích thước 30x25cm, trên túi có dòng chữ "IHC", đã qua sử dụng.
- Tiền Việt Nam đồng 89.000.000 đồng (T5 mươi chín triệu đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 5 năm 2025, bị cáo Lê Thị Cẩm Á một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1-356.40 đi đến nhà bà Lê Thị Thu B (chị ruột bị cáo) nơi cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long) để cạo gió, do bà Lê Thị Thu B bệnh, sau đó bị cáo ở lại chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bà Lê Thị Thu B (bị hại) đi ra nhà sau dọn dẹp, còn bị cáo tìm cây búa trong nhà bị hại để đốn tre làm sào phơi quần áo. Trong lúc tìm kiếm, bị cáo phát hiện bên trong thùng xốp có kích thước 0,55 x 0,43 x 0,3 cm đặt trong buồng ngủ của bị hại có một túi ni lông màu đen. Bị cáo mở túi ni lông ra, thấy bên trong có nhiều lớp túi ni lông và túi vải, bị cáo lần lượt mở các lớp túi ra phát hiện bên trong có nhiều hộp nhựa màu hồng và màu đỏ, bị cáo mở các hộp ra thấy có nhiều vàng gồm nhẫn trơn, lắc, dây chuyền và vòng tay. Bị cáo biết số tài sản này là của bị hại, do bị cáo đang thiếu nợ nhiều người, không có khả năng chi trả nên nảy sinh ý định lấy trộm số vàng này bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Lợi dụng bị hại không có ở trong nhà, bị cáo lén lút lấy hết số vàng trên và sắp xếp đồ đạc lại như hiện trạng ban đầu, số vàng lấy trộm được bị cáo để trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 84L1-356.40 đang đậu trước nhà bị hại. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo lấy số vàng trộm được ra kiểm tra xác định số lượng vàng đã lấy được gồm:

- 07 () chiếc nhẫn vàng, loại 24 kara, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ;
- 01 () chiếc nhẫn vàng, loại 24 kara, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 () chiếc vòng tay vàng, loại 24 kara, trọng lượng 02 chỉ;
- 01 () tấm lắc tay vàng, loại 24 kara, trọng lượng 05 chỉ;
- 01 () tấm lắc tay vàng, loại 18 kara, trọng lượng 03 chỉ;
- 01 () sợi dây chuyền vàng, loại 18 kara, trọng lượng 05 chỉ.

Sau đó, bị cáo Lê Thị Cẩm Á mang 05 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc vòng tay vàng, loại 24k, trọng lượng 02 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 24K, trọng lượng 05 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 18K, trọng lượng 03 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng, loại 18K, trọng lượng 05 chỉ bán tại tiệm V2 ở phường T, tỉnh Vĩnh Long và tiệm V3, địa chỉ ấp D, xã N, tỉnh Vĩnh Long được tổng số tiền là 226.100.000 đồng. Bị cáo tiếp tục giữ 02 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ. Khi có được tiền bị cáo trả nợ cá nhân như sau:

1. Trả cho bà Trần Thị T2, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 15.000.000 đồng;

2. Trả bà Lương Thị N3, sinh năm 1985, nơi cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 20.000.000 đồng;
3. Trả bà Trương Thị N2, sinh năm 1961, nơi cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 5.000.000 đồng;
4. Trả ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long số tiền 21.000.000 đồng;
5. Trả ông Trần Phương H1, sinh năm 1976, nơi cư trú ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long số tiền 34.000.000 đồng;
6. Trả bà Võ Thị H, sinh năm 1969, nơi cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 2.000.000 đồng;
7. Trả ông Võ Văn T4, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long số tiền 8.500.000 đồng;
8. Trả bà Nguyễn Thị Tuyết N4, sinh năm 1978, nơi cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 7.500.000 đồng;
9. Trả tiền cầm xe tại tiệm C1, địa chỉ ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long số tiền 11.200.000 đồng;
10. Đóng tiền tại Công ty C2 (F) số tiền 48.859.000 đồng;
11. Đóng tiền trả góp mua xe số tiền 9.530.000 đồng và tiêu xài cá nhân số tiền 9.511.000 đồng.

Số tiền còn lại 34.000.000 đồng bị cáo tiếp tục cất giữ.

Do sợ bị hại phát hiện bị mất trộm vàng sẽ nghi ngờ bị cáo là người lấy trộm. Vào khoảng 10 giờ ngày 19 tháng 5 năm 2025, bị cáo đi đến nhà bị hại, lợi dụng bị hại không có ở nhà, nhà không khoá cửa, bị cáo vào nhà làm xáo trộn đồ đạc trong nhà bị hại mục đích để bị hại phát hiện bị mất trộm tài sản và nghi ngờ người khác đột nhập vào nhà. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị hại trở về nhà thì phát hiện sự việc trên, đến 14 giờ 40 phút ngày 20 tháng 5 năm 2025 bị hại đến Công an xã B trình báo sự việc. Tại cơ quan Công an, bị cáo Lê Thị Cẩm Ân thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số vàng nêu trên và giao nộp lại 02 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc trọng lượng là 02 chỉ và số tiền 34.000.000 đồng (các bút lục 01-02, 111-183, 254 -257).

Ngày 02 tháng 06 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V) ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 02 chiếc nhẫn vàng do bị cáo giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số 2575/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C3 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 02 nhẫn kim loại màu vàng, tổng khối lượng 14,9937 gam, được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au) trung bình: 99,72% (các bút lục 53-57)

Ngày 08 tháng 08 năm 2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận tại thời điểm ngày 10 tháng 5 năm 2025:

- 02 chiếc nhẫn, bằng kim loại màu vàng tổng khối lượng 14,9937gam có giá trị là 42.600.000 đồng;
- 05 chiếc nhẫn, loại nhẫn trơn, bằng vàng 24k, mỗi chiếc nhẫn có trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 106.500.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn, loại nhẫn trơn, bằng vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ có giá trị là 10.650.000 đồng;
- 01 tấm lắc, loại lắc đeo tay của nữ, bằng vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ có giá trị là 52.650.000 đồng;
- 01 chiếc vòng đeo tay, bằng vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 21.060.000 đồng;
- 01 tấm lắc, loại lắc đeo tay của nữ, bằng vàng 18k, loại 640, trọng lượng 03 chỉ có giá trị là 21.690.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền, bằng vàng 18k, loại 640, trọng lượng 05 chỉ có giá trị là 36.150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 291.300.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm ngàn đồng); (các bút lục 58-67).

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Lê Thị Cẩm Ân về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 23/9/2025 áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo Lê Thị Cẩm Ân tạm giam để phục vụ công tác điều tra.

- Đối với ông Trần Phương H1 giao nộp số tiền là 34.000.000 đồng, đây là số tiền ông H1 cho bị cáo mượn vào khoảng tháng 4 năm 2025. Khi bị cáo trả tiền ông H1 không biết nguồn gốc số tiền từ đâu bị cáo có. Qua vụ việc trên ông H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 34.000.000 đồng (các bút lục 147-152).

- Đối với ông Nguyễn Văn T3 giao nộp là 21.000.000 đồng, đây là số tiền ông T3 cho bị cáo mượn vào khoảng đầu tháng 5 năm 2025. Khi bị cáo trả tiền ông T3 không biết nguồn gốc số tiền từ đâu bị cáo có. Qua vụ việc trên ông T3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 21.000.000 đồng (các bút lục 141-146).

- Đối với số tiền bị cáo trả cho bà Trần Thị T2, bà Lương Thị N3, bà Trương Thị N2, bà Võ Thị H, ông Võ Văn T4, bà Nguyễn Thị Tuyết N4, ông Nguyễn Thế H2, Công ty C2 (FE C) và tiền mua xe trả góp. Khi nhận tiền từ bị cáo, các ông, bà và Ngân hàng không biết nguồn gốc số tiền từ đâu bị cáo có, số tiền nhận được đã sử dụng tiêu xài hết nên không thu hồi được (các bút lục 129-164).

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng anh Nguyễn Trọng T1 là con ruột bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Thu B, nay anh T1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này (các bút lục 125-128).

- Đối với bà Lâm Thị Hoàng M – chủ tiệm V3: Do lưu lượng người mua, bán vàng nhiều nên không xác định được bị cáo có đến tiệm bán vàng hay không. Số vàng mua lại đã nấu tan chảy để bán lại trong ngày nên không thu hồi được (bút lục 231).

Ngoài ra bị cáo còn trình bày bị cáo đã bán vàng cho tại tiệm V2 ở thành phố T mua, nhưng bị cáo không xác định được địa chỉ cụ thể, do trên địa bàn có nhiều tiệm V2 (chi nhánh) khác nhau nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được để thu hồi tài sản.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Thu B đã nhận số tiền bồi thường 30.000.000 đồng (của anh T1). Nay bà xin nhận lại số vàng và số tiền do Cơ quan điều tra đã thu hồi được trong quá trình điều tra. Bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm (các bút lục 238-240).

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSKV11, ngày 10/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long ra Quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm Á về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Cẩm Á khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng và thống nhất quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại bà Lê Thị Thu B trình bày: Bà là chị ruột bị cáo. Ngày 10/5/2025 bị cáo có đến nhà bà để cạo gió (do bà bệnh), sau đó bị cáo lấy trộm vàng của bà gồm: 07 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc vòng tay vàng, loại 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 24K, trọng lượng 05 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 18K, trọng lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng, loại 18K, trọng lượng 05 chỉ. Toàn bộ số vàng này bà cất trong thùng xộp đặt trong buồng ngủ. Đến 14 giờ 40 phút ngày 20/5/2025 bà mới phát hiện bị mất tài sản và đến Công an xã B trình báo sự việc. Bà thống nhất bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận tổng giá trị tài sản là 291.300.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự bà đã nhận số tiền bồi thường 30.000.000 đồng, nay bà xin nhận lại số vàng và số tiền do Cơ quan điều tra thu hồi được, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Trọng T1, bà Trần Thị T2, bà Trương Thị N2, bà Võ Thị H, chị Lương Thị N3, anh Nguyễn Văn T3, anh Trần Phương H1, chị Nguyễn Thị Tuyết N4 và ông Nguyễn Thế H2, vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên bà Đinh Thị Mộng C đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm Á về tội danh, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm Á phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm Á mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp lại 02 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ và 34.000.000 đồng; ông Trần Phương H1 giao nộp số tiền 34.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn T3 giao nộp số tiền 21.000.000 đồng. Ngoài ra anh Nguyễn Trọng T1 (con ruột bị cáo) đã bồi thường cho bị hại nhận số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại Lê Thị Thu B xin nhận lại số vàng, số tiền do Cơ quan điều tra đã thu hồi và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị hại. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- *Luật sư Nguyễn Văn N1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo:* Thông nhất Cáo trạng số: 12/CT-VKSKV11, ngày 10/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm Á về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng. Luật sư không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự chuẩn bị trước, do bị cáo nợ nhiều người nên suy nghĩ là lấy trộm vàng bán trả nợ, sau đó trả lại cho bị hại, không biết đây là hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo và bị hại có mối quan hệ chị em ruột, gây ra dư luận xã hội không lớn, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có tác động người thân nộp 30.000.000 đồng để bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa bị hại bà Lê Thị Thu B xin nhận lại số vàng, số tiền do Cơ quan điều tra đã thu hồi, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị hại. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị cáo Lê Thị Cẩm Á nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận ngày 10/5/2025 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp vàng của bà Lê Thị Thu B gồm nhẫn trơn, lắc, dây chuyền và vòng tay, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt định giá là 291.300.000 đồng, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Cẩm Á khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 5 năm 2025, tại nhà bị hại bà Lê Thị Thu B ngụ ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long). Bị cáo Lê Thị Cẩm Ân đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Lê Thị Thu B gồm: 07 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc vòng tay vàng, loại 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 24K, trọng lượng 05 chỉ; 01 tấm lắc tay vàng, loại 18K, trọng lượng 03 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng, loại 18K, trọng lượng 05 chỉ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 291.300.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại số vàng nêu trên là đúng sự thật, chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, không có đồng phạm, bị cáo thống nhất Bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2025. Xét thấy hành vi trộm cắp của bị cáo đã gây ra dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị Cẩm Ân phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp vàng của bị hại Lê Thị Thu B (chị ruột bị cáo) gồm nhẫn trơn, lắc, dây chuyền và vòng tay, theo kết luận định giá tài sản tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá là 291.300.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo tác động gia đình khắc phục bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại mục đích bán để trả nợ và tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, tạo dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại tổng giá trị tài sản chiếm đoạt trị giá là 291.300.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân dân bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, nhưng bị cáo có 01 án tích, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2008/HS-ST, ngày 18/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Chứa mại dâm (đã xóa án tích). Sau khi trở về địa phương hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng, bị cáo không sửa đổi để làm người công dân tốt, sống lương thiện, chấp hành tốt quy định pháp luật, không vi phạm, nhưng bị cáo không làm được việc này, lợi dụng bị hại bệnh, bị cáo đến chăm sóc giúp , trong lúc bị hại đi ra nhà sau dọn dẹp, thì bị cáo đã lén lút trộm vàng của bị hại gồm nhẫn trơn, lắc, dây chuyền và vòng tay bỏ vào xe mô tô rời khỏi hiện trường, liền sau đó bị cáo đã bán số vàng vừa trộm để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã bất chấp, xem thường pháp luật và tài sản của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản đến cùng, sau khi vụ việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu hồi được khoảng 65% giá trị tài sản của bị hại, còn khoảng 35% giá trị tài sản của bị hại do bị cáo trả nợ nên không thu hồi được, từ đó đã gây thiệt hại về tài sản của bị hại.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Cẩm Á.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 291.300.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo Lê Thị Cẩm Á đã giao nộp lại 02 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ và số tiền 34.000.000 đồng; ông Trần Phương H1 giao nộp 34.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn T3 giao nộp 21.000.000 đồng. Ngoài ra anh Nguyễn Trọng T1 (con ruột bị cáo) đã bồi thường cho bị hại nhận số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên

tòa bị hại Lê Thị Thu B xin nhận lại số vàng, số tiền Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu hồi được nêu trên, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị hại.

Đối với ông Trần Phương H1 yêu cầu bị cáo trả số tiền là 34.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn T3 yêu cầu bị cáo trả số tiền 21.000.000 đồng. Theo lời khai của bị cáo, ông H1, ông T3, xét thấy số tiền ông H1, ông T3 cho bị cáo vay, mượn trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, ông H1, ông T3 có quyền khởi kiện bị cáo đòi lại số tiền này và được giải quyết theo pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với anh Nguyễn Trọng T1 (con bị cáo) có tạm ứng số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại nhận. Anh T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- *Đối với các vật chứng gồm:* Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi VINH HUNG 2CHI; Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi VINH 20 24K; Tiền Việt Nam đồng 34.000.000 đồng (do bị cáo nộp); Tiền Việt Nam đồng 34.000.000 đồng (do ông H1 giao nộp); Tiền Việt Nam đồng 21.000.000 đồng (do ông T3 giao nộp). Xét thấy các tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có được, là vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử quyết định trả lại các vật chứng này cho bị hại bà Lê Thị Thu B là đúng quy định.

Ngoài ra quá trình điều tra còn thu giữ một túi ni lông màu đen, loại có quai, kích thước 40x40cm, đã qua sử dụng; Một túi vải màu xanh, kích thước 30x25cm, trên túi có dòng chữ "IHC", đã qua sử dụng, là của bị hại bị thu giữ để phục vụ điều tra vụ án, xét thấy các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định tuyên trả lại cho bị hại .

- *Đối với các vật chứng gồm:* Một điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Mastel, loại bàn phím, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359074036592766; số IMEI2: 359074036742767, điện thoại có gắn thẻ sim số 0987181336; Một điện thoại di động, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, có ốp lưng nhựa trong suốt, nhãn hiệu: Realme, số IMEI1: 861866063329793/01; số IMEI2: 861866063329785/01, điện thoại có gắn thẻ sim số 0385363909; Một xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-356.40, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, màu sơn Đỏ Đen, số máy JA53E0107813, số khung RLHJA3877RY029417; Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 14/5/2025, Tên khách hàng: CAM , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276; Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 10/4/2025, Tên khách hàng: CAM , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276; Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 20/5/2025, Tên khách hàng: CAM , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276; Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 08/3/2025, Tên khách hàng: CAM , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276. Là của bị cáo bị thu giữ để phục vụ điều tra vụ án, xét thấy

các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định tuyên trả lại cho bị cáo.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm Á có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét lời của Luật sư Nguyễn Văn N1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm Á phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm Á 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

T6 trả cho bị hại bà Lê Thị Thu B nhận:

- Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi V1 Hung 2 chỉ; Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ghi Vinh H3 20 24K;
- Tiền Việt Nam đồng số tiền 89.000.000 đồng (T5 mươi chín triệu đồng).
- Một túi ni lông màu đen, loại có quai, kích thước 40x40cm, đã qua sử dụng;
- Một túi vải màu xanh, kích thước 30x25cm, trên túi có dòng chữ "IHC", đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Lê Thị Cẩm Á nhận:

- Một điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Mastel, loại bàn phím, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359074036592766; số IMEI2: 359074036742767, điện thoại có gắn thẻ sim số 0987181336;
- Một điện thoại di động, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, có ốp lưng nhựa trong suốt, nhãn hiệu: Realme, số IMEI1: 861866063329793/01; số IMEI2: 861866063329785/01, điện thoại có gắn thẻ sim số 0385363909;
- Một xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-356.40, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, màu sơn Đỏ Đen, số máy JA53E0107813, số khung RLHJA3877RY029417;

- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 14/5/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;
- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 10/4/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;
- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 20/5/2025, Tên khách hàng: , mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276;
- Một tờ giấy nộp tiền thanh toán dịch vụ tại quầy ngày 08/3/2025, Tên khách hàng: LE THI CAM AU, mã khách hàng/hợp đồng: 1500100013474276.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm Á nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV11 – Vĩnh Long;
- Phân trại TG An Trường - Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm